**AMẫu số 01**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |
|  | | **BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  **CHỨC DANH: …PHÓ GIÁO SƯ………….**  **Mã hồ sơ: ………………….** |  | |

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: □*)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên 🗹 ; Giảng viên thỉnh giảng:

Ngành: **Chăn nuôi** Chuyên ngành: **Chăn nuôi**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký:** …………TRẦN HIỆP………………………………….

**2. Ngày tháng năm sinh:** 28/03/1976; Nam 🗹; Nữ **** ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:** 🗹

**4. Quê quán (**xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xuân Huy, Lâm Thao, Phú Thọ

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú** (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Nhà số 2, ngõ 367/102, Phố Ngô Xuân Quảng, Trâu Quỳ, Gia Lâm, TP. Hà Nội

**6. Địa chỉ liên hệ** : Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa, Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại di động: 0915.094.819 Địa chỉ E-mail: [tranhiep@vnua.edu.vn](mailto:tranhiep@vnua.edu.vn)

**7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

*Từ năm 1999 đến nay:* là giảng viên Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa, Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

2001 - 2002 : Học viên Cao học Đại học Liege - Vương Quốc Bỉ

2002 - 2005 : Giảng viên khoa Chăn nuôi - Thú y, ĐHNN I

2003 - 2004 : Giảng viên, Phó bí thư LCĐ Khoa Chăn nuôi - Thú y, ĐHNN I

2004 - 2005 : Giảng viên, Bí thư LCĐ Khoa Chăn nuôi - Thú y, ĐHNN I

2005 - 2009 : Nghiên cứu sinh Đại học La Réunion - Cộng hòa Pháp

2009 - 2011 : Giảng viên, Trợ lý đào tạo Khoa Chăn nuôi - ĐH Nông nghiệp HN

2011 - 2014 : Phó trưởng Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa, Trợ lý đào tạo - Khoa Chăn nuôi – ĐH Nông nghiệp HN.

2014 - 2015 : Phó trưởng Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa, Trợ lý đào tạo - Khoa Chăn nuôi - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

2015 - nay : Phó trưởng Ban Khoa học và Công nghệ, Trưởng Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa - Khoa Chăn nuôi - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

*Chức vụ hiện nay :* Phó trưởng Ban Khoa học và Công nghệ, Trưởng Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa - Khoa Chăn nuôi - Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

*Chức vụ cao nhất đã qua :* Phó trưởng Ban Khoa học và Công nghệ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

*Cơ quan công tác hiện nay :* Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.

*Địa chỉ cơ quan:* Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

*Điện thoại cơ quan:* 02462617689; Địa chỉ E–mail: [webmaster@vnua.edu.vn](mailto:webmaster@vnua.edu.vn);

Fax: 02438276554

*Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có)*:………………

**8. Đã nghỉ hưu** từ tháng ………………năm ……………..………………………………

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): ……………..……………………………………

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ……………..……… …………………………………………………

**9. Trình độ đào tạo:**

– Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 09 năm 1998, ngành: **Chăn nuôi – Thú y**.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): **Đại học Nông nghiệp 1 Hà Nội**

– Được cấp bằng ThS ngày 26 tháng 09 năm 2002, ngành: **Quản lý nguồn tài nguyên động vật và thực vật vùng nhiệt đới**, chuyên ngành: **Chăn nuôi – Thú y (Animal production and Health)**

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): **Đại học Liège, Vương quốc Bỉ**

– Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 09 năm 2009, ngành: **Sinh học động vật**

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Đại học La Réunion, Cộng hòa Pháp**

– Được cấp bằng TSKH ngày.....tháng......năm…., ngành:……., chuyên ngành: .............

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): ................................................................................

**10. Đã được công nhận chức danh PGS** ngày……tháng……năm.........., ngành:.............

**12. Đăng k‎ý xét đạt tiêu chuẩn chức danh** **Phó giáo sư** **tại HĐCDGS cơ sở:**

**Học viện Nông nghiệp Việt Nam**

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư** **tại HĐGS ngành, liên ngành:**

**Chăn nuôi – Thú y – Thủy sản**

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

(1) Nghiên cứu các giải pháp khai thác hiệu quả nguồn thức ăn địa phương cho vật nuôi;

(2) Nghiên cứu giải pháp thay thế kháng sinh trong thức ăn chăn nuôi;

(3) Nghiên cứu giải pháp giảm phát thải khí nhà kính trong chăn nuôi.

**14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn **01 NCS** (hướng dẫn 2) (đã bảo vệ thành công);

- Đang hướng dẫn **02 NCS**, trong đó có 01 hướng dẫn chính và 01 hướng dẫn phụ;

- Đã hướng dẫn **12 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS (hướng dẫn chính **06 HVCH**);

- Đã hoàn thành **10 đề tài**; trong đó có 2 đề tài cấp Nhà nước, 1 đề tài cấp tỉnh, 2 đề tài cấp cấp Học viện, đề tài hợp tác quốc tế. **Đã chủ trì 06 đề tài**, gồm 01 đề tài cấp tỉnh, 03 đề tài hợp tác quốc tế (2 đề tài quỹ Mekarn, 1 đề tài hợp tác Việt Bỉ); 01 đề tài cấp Học viện trọng điểm và 01 đề tài cấp Học viện.

- Đã công bố **59 bài báo khoa học toàn văn** (fulltext)đăng trên các tạp chí và kỷ yếu khoa học quốc gia và quốc tế; trong đó **46 bài báo KH trong nước** (**11** bài báo tiếng Anh), **13** **bài báo khoa học quốc tế** (**6** bài báo quốc tế ISI/Scopus, **7** bài báo tại Hội thảo quốc tế);

- Số sách đã xuất bản **03**, trong đó có **01 giáo trình, 01 sách chuyên khảo** và **01 sách phổ biến khoa học**;

- Là đồng tác giả của **Tiến bộ kỹ thuật mới:**

*“Chế phẩm vi sinh vật VNUA – BIOMIX và quy trình kỹ thuật sử dụng chế phẩm VNUA-BIOMIX làm đệm lót chăn nuôi lợn”* do Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp & PTNT cấp ngày 4/5/2019.

- Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất (sách hoặc đề tài NCKH hoặc bài báo KH):

*Công trình 1:* **Bài báo** “**Tran H.,** Salgado P., and Lecomte P., 2009. Species, climate and fertilizer effects on grass fibre and protein in tropical environments. The Journal of Agricultural Science, 147 (5): 555-568”. **ISSN:**0021-8596 (Print), 1469-5146 (Online); **ISI (IF: 1,717**); **Q2 (H-index 64).**

*Công trình 2:* **Bài báo** “**Hiep Tran**, P. Salgado, E. Tillard, P. Dardenne, Trach Nguyen Xuan, P. Lecomte, 2010. “Global” and “Local” Predictions of Dairy Diet Nutritional Quality using Near Infrared Reflectance Spectroscopy. Journal of Dairy Science, 93(10): 4961-4975”. **ISSN: 15253198, 00220302, ISI (IF: 2,681). Q1 (H-index 166).**

*Công trình 3:* **Bài báo “Trần Hiệp** và Nguyễn Thị Tuyết Lê (2017). Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm Probiotics và axits hữu cơ đến sinh trưởng, chuyển hóa thức ăn và khả năng cho thịt ở lợn lai thương phẩm. Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi, 222(8):40-45.”

*Công trình 4:* **Bài báo** *“***Hiep T**, Tuan B Q, Son N H, Ha L V and Trach N X (2020). Passion fruit (Passiflora edulis) peel as feed for ruminants in Vietnam: use of passion fruit peel silage in the diet of dairy cattle. Livestock Research for Rural Development 32 (4) 2020”. **ISSN: 01213784. Q4 (H-index 24).**

*Công trình 5:* **Sách chuyên khảo** “Giảm thải Mêtan trong chăn nuôi bò: Hiện trạng và giải pháp dinh dưỡng”. Dương Nguyên Khang, Chu Mạnh Thắng, **Trần Hiệp,** Lê Đình Phùng, Vũ Chí Cương. NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh (2017) – 302 trang. ISBN: 978-604-73-5274-6.

**15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):**

Bằng khen của TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (2004) về thành tích hoàn thành xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2003-2004 (Quyết định số:751/QĐ/TƯĐTN ngày 8/9/2004);

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2016) về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2015-2016 (Quyết định số QĐ số 4664/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016);

**16. Kỷ luật** (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): ……………Không………………………………………….

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

**1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Tôi được đào tạo ở trình độ đại học tại Đại học Nông nghiệp I (1994-1998). Trình độ sau đại học (thạc sỹ và tiến sỹ), tôi được đào tạo ở các nước châu Âu có nền giáo dục tiên tiến (Thạc sỹ tại Vương quốc Bỉ (2001-2002) và Tiến sỹ tại Công hòa Pháp (2005-2009). Ở các bậc học khác nhau, tôi đều hoàn thành xuất xắc nhiệm vụ học tập. Với những kiến thức đã tích lũy được trong quá trình học tập, cùng với sự dìu dắt và chỉ bảo tận tình của thế hệ thầy cô đi trước, tôi đã hoàn thành tốt công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Sau khi tốt nghiệp đại học, tôi đã may mắn được làm việc tại Trường Đại học Nông nghiệp I và được phân công đảm nhiệm xây dựng mới, giảng dạy Học phần Chăn nuôi lợn cho sinh viên của Khoa. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và nâng cao trình độ chuyên môn, tôi đã không ngừng học hỏi kiến của các đồng nghiệp trong khoa và các thầy cô dạy các môn tương tự ở các đơn vị khác.

Năm 2001, tôi được Trường cử đi học Thạc sỹ ngành Quản lý nguồn tài nguyên động vật và thực vật vùng nhiệt đới (chuyên ngành: Chăn nuôi – Thú y) tại Khoa Thú y – ĐH học Liège (Bỉ) và hoàn thành khóa học đúng thời hạn.

Năm 2004, tôi đã nhận được học bổng của tổ chức Cirad (Pháp) để học tập tại Montpelier về “Tiềm năng sử dụng Quang phổ cận hồng ngoại trong dinh dưỡng động vật” và “Quản lý và phân tích dữ liệu chăn nuôi”. Đây là bước đệm quan trọng để tôi có thể thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu hơn về ứng dụng kỹ thuật quang phổ trong dinh dưỡng vật nuôi.

Năm 2005, tôi đã nhận được học bổng của tổ chức AUF (Pháp) để tham chương trình đào tạo tiến sỹ tại ĐH La Reuinion (Pháp) trong thời gian 4 năm (2005 – 2009, trong đó 28 tháng tại Pháp) với định hướng nghiên cứu là ứng dụng quang phổ cận hồng ngoại trong dinh dưỡng vật nuôi.

Hiện nay tôi được phân công giảng dạy ở trình độ đại học, cao học và nghiên cứu sinh với các học phần sau đây:

1. Học phần **Chăn nuôi lợn** giảng dạy cho sinh viên đại học ngành Chăn nuôi, ngành Thú y, ngành Chăn nuôi – Thú y
2. Học phần **Chăn nuôi chuyên khoa** giảng dạy cho sinh viên đại học ngành Sư phạm kỹ thuật.
3. Học phần **Những tiến bộ mới trong chăn nuôi lợn** cho Học viên cao học tại Khoa Chăn nuôi.
4. Học phần **Chăn nuôi nhiệt đới** giảng dạy cho NCS tại Khoa Chăn nuôi.
5. Học phân **Môi trường chăn nuôi** giảng dạy cho NCS tại Khoa Chăn nuôi.

Từ khi về công tác tại Trường, tôi đã tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu, tham gia thực hiện các đề tài dự án. Hàng năm tôi đều hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Tôi đã được đào tạo ở các nước có trình độ khoa học phát triển để đạt được chuyên môn nghiệp vụ làm giảng viên đại học và nghiên cứu khoa học. Tôi có nguồn gốc lý lịch rõ ràng, bản thân có đủ sức khỏe để hoàn thành công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác được phân công. Trong suốt quá trình công tác tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo. Tôi luôn ý thức được việc giữ gìn phẩm chất của nhà giáo, luôn tôn trọng và hợp tác tốt với đồng nghiệp và luôn tận tình với người học.

**2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (\*):**

- Tổng số: **20** năm thâm niên đào tạo (từ 1999 đến nay).

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm học** | **Số lượng NCS đã hướng dẫn** | | **Số lượng ThS đã hướng dẫn** | **Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD** | **Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp** | | **Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức** |
| **Chính** | **Phụ** | **ĐH** | **SĐH** |
| 1 | 2012 – 2013 |  |  | 2 | 7 | 251 |  | 251/573/238 |
| 2 | 2013 – 2014 |  |  | 2 | 5 | 659 |  | 659/1077/238 |
| 3 | 2014 – 2015 |  |  | 2 | 6 | 645 |  | 645/1043/238 |
| 4 | 2015 – 2016 |  |  | 2 | 4 | 360 |  | 360/843/81 |
| 5 | 2016 – 2017 |  | 1 (đã bảo vệ thành công) | 1 | 11 | 413 |  | 413/1024/81 |
| **3 năm học cuối** | | | | | | | | |
| 6 | 2017 – 2018 | 1 (2017-2020) |  | 2 | 13 | 285 |  | 285/851/81 |
| 7 | 2018 – 2019 |  | 1 (2018-2021) | 1 | 10 | 359 | 28 | 387/1072/81 |
| 8 | 2019 – 2020 |  |  |  |  | 188 (K1) |  | 188/559(K1)/81 |

*(\*) – Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số*[*64/2008/QĐ-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-64-2008-qd-bgddt-quy-dinh-che-do-lam-viec-doi-voi-giang-vien-82446.aspx)*ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số*[*36/2010/TT-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-36-2010-tt-bgddt-sua-doi-quy-dinh-che-do-lam-viec-giang-vien-115835.aspx)*ngày 15/12/2010 và Thông tư số*[*18/2012/TT-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-18-2012-tt-bgddt-che-do-lam-viec-giang-vien-nganh-nghe-thuat-140030.aspx)*ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*

*- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*

**3. Ngoại ngữ:**

**3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:** Tiếng Pháp, Tiếng Anh

***a) Được đào tạo ở nước ngoài:*** 🗹

– Bảo vệ luận án ThS 🗹; Tại nước: Vương quốc Bỉ

– Bảo vệ luận án TS 🗹; Tại nước: Cộng hòa Pháp

– Thực tập dài hạn (> 2 năm) **** ; Tại nước : …...............................................

***b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:***

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: …….số bằng: …….; năm cấp:……

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:……………………………………………………………

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): ……………………….…………………………

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: ……………………………………………………

**3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):** Đào tạo ThS và TS nước ngoài.

**4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên NCS hoặc HV** | **Đối tượng** | | **Trách nhiệm hướng dẫn** | | **Thời gian hướng dẫn** | **Cơ sở đào tạo** | **Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng** |
| NCS | HV | Chính | Phụ |
| **I** | **Hướng dẫn HVCH** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Trần Bá Nhiệm |  | x | x |  | 2012-2013 | Học viện NNVN | QĐ1499/QĐ-NNH ngày 23/7/2013 |
| 2 | Hoàng Anh Việt |  | x | x |  | 2012-2013 | Học viện NNVN | QĐ 684/QĐ-NNH ngày 12/4/2013 |
| 3 | Phạm Văn Thành |  | x |  | x | 2013-2014 | Học viện NNVN | QĐ 2571/QĐ-NNH ngày 3/12/2013 |
| 4 | Đặng Công Xuân |  | x |  | x | 2013-2014 | Học viện NNVN | QĐ 320/QĐ-NNH ngày 26/2/2014 |
| 5 | Vũ Sỹ Nghĩa |  | x | x |  | 2014-2015 | Học viện NNVN | QĐ 3053/QĐ-HVN ngày 4/12/2014 |
| 6 | Đỗ Thị Phương Thảo |  | x |  | x | 2014-2015 | Học viện NNVN | QĐ 1569/QĐ-HVN ngày 8/8/2014 |
| 7 | Nguyễn Yên Thịnh |  | x | x |  | 2015-2016 | Học viện NNVN | QĐ 387/QĐ-HVN ngày 29/2/2016 |
| 8 | Khuất Thị Thu Hà |  | x | x |  | 2015-2016 | Học viện NNVN | QĐ 387/QĐ-HVN ngày 29/2/2016 |
| 9 | Nguyễn Văn Giáp |  | x | x |  | 2016-2017 | Học viện NNVN | QĐ 2149/QĐ-HVN ngày 1/8/2016 |
| 10 | Vũ Thu Hường |  | x |  | x | 2017-2018 | Học viện NNVN | QĐ 3066/QĐ-HVN ngày 26/7/2017 |
| 11 | Nguyễn Thị Nga |  | x |  | x | 2017-2018 | Học viện NNVN | QĐ4980/QĐ-HVN ngày 12/12/2017 |
| 12 | Phetxay Xayyaseng |  | x |  | x | 2018-2019 | Học viện NNVN | QĐ 4546/QĐ-HVN ngày 17/12/2018 |
| **II** | **Hướng dẫn NCS** |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Nguyễn Văn Đạt | x |  |  | x | 2013-2016 | Học viện NNVN | QĐ 1074/QĐ-HVN ngày 10/5/2016 |
| 14 | Lê Tuấn An | x |  | x |  | 2016-2020 | Viện CN | (dự kiến bảo vệ tháng 11/2020) |
| 15 | Nguyễn Đình Tường | x |  |  | x | 2018 -2021 | Viện CN |  |

***Ghi chú:*** *Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.*

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên sách | Loại sách | Nhà xuất bản  và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên/tham gia | Phần biên soạn (từ trang … đến trang..) | Thẩm định,  xác nhận sử dụng của CSGDĐH |
| **I** | **TRƯỚC KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SỸ** | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **SAU KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SỸ** | | | | | | |
| 1 | “Giảm thải Mê tan trong chăn nuôi bò: Hiện trạng và giải pháp dinh dưỡng” | CK | 2017 (NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh. ISBN: 978-604-73-5274-6) | 5 | Tham gia | Từ trang 81-137, 168-197, 197-211 | Đại học Nông lâm TP Hồ Chí Minh |
| 2 | Kỹ thuật chăn nuôi và sản xuất thức ăn | HD | **2016**  (NXB Thanh niên. Số KHXB:1012-2016/CXBIPH/02-22/TN) | 18 | Tham gia | Từ trang 56-80 | Lào |
| 3 | Giáo trình Thức ăn bổ sung & phụ gia | GT | 2019 (NXB Học viện NNVN | 5 | Tham gia | Từ trang 40-76, 77-131, 132-146 | Học viện NNVN |

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu**

| **TT** | **Tên CT, ĐT** | **CN/PCN**  **/TK** | **Mã số**  **và cấp quản lý** | **Thời gian**  **thực hiện** | **Ngày nghiệm thu** | **Kết quả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI NCKH ĐÃ NGHIỆM THU** | | | | | | |
| 1 | **Đề tài** "Ảnh hưởng của tanin phụ phẩm chè xanh đến khả năng bảo vệ protein trong môi trường dạ cỏ" | CN | T2018-02-14 - **Cấp Học viện** | 2019 | 28/3/2019 | Khá |
| 2 | **Đề tài** Nghiên cứu ứng dụng chế biến lõi ngô, bã mía và vỏ chanh leo làm thức ăn cho bò sữa tại Sơn La | CN | **KN – 07- 2017**  **Cấp Tỉnh**  (QĐ 1179/QĐ-UBND ngày 13/5/2017 và QĐ 68/QĐ-KHCN của Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Sơn La ngày 24/7/2017) | 2017-2019 | 27/11/2019 | Đạt |
| 3 | **Đề tài** "Nghiên cứu tạo chế phẩm sinh học lên men thức ăn thô xanh nhằm phát triên chăn nuôi lợn hữu cơ tạo sản phẩm thịt lợn khác biệt" | CN | T2016-03-03TĐ -  **Cấp Học viện trọng điểm** | 1016-2017 | 18/10/2018 | Tốt |
| 4 | **Đề tài** Mitigation and fecal NIRS prediction for methane emission by means of oil supplement in diets of growing cattle | CN | Mekarn-2011  **(Đề tài HTQT - Mekarn fund)** | 2012 | 28/12/2012 | Tốt |
| 5 | **Đề tài** Prediction and evaluation of methane emission of growing cattle diets in Vietnam based in fecal near infrared reflectance spectroscopy | CN | Mekarn-2010-35 **(Đề tài HTQT - Mekarn fund)** | 2010 | 22/12/2011 | Tốt |
| 6 | **Đề tài** Đánh giá tiềm năng và hiệu quả của một số loại thức ăn địa phương có tác dụng nâng cao sức khỏe đường tiêu hóa ở lợn sinh trưởng tại Miền Bắc - Việt Nam | CN | Đề tài Việt Bỉ  **(Đề tài HTQT)** | 2009-2012 | 6/6/2013 | Tốt |
| 7 | **Đề tài** “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ đệm lót sinh học trong chăn nuôi lợn nông hộ” | TG | ĐTĐL-2014/01 **Cấp Quốc gia** | 2013-2016 | 25/5/2017 | Tốt |
| 8 | **Đề tài** Nghiên cứu các giải pháp KHCN giảm thiểu phát thải khí methane (CH4) ra môi trường trong chăn nuôi bò sữa, bò thịt | TG  *(Chủ nhiệm đề tài nhánh)* | ĐTĐL.2012-G/04 **Cấp Quốc gia** | 2012-2016 | 28/3/2017 | Tốt |
| 9 | **Đề tài** Nghiên cứu sản xuất kháng thể đơn dòng đặc hiệu với progesterone phụ vụ định hướng tạo Kit-ELISA và que thử nhanh (Quick Sticks) để chẩn đoán có thai sớm và rối loạn hormone sinh sản nhằm nâng cao năng suất sinh sản ở bò | TG | T2015-03-04TĐ - **Cấp Học viện trọng điểm** |  | 14/9/2018 | Tốt |
| 10 | **Đề tài** Nghiên cứu sử dụng thân lá cây điền thanh thân xanh (Sesbania cannabina) làm thức ăn cho gia súc nhai lại | TK | T2018-02-15 - **Cấp Học viện** |  | 28/3/2019 | Khá |
| **II. CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI NCKH ĐANG THỰC HIỆN** | | | | | | |
| 11 | **Đề tài** Nghiên cứu sản xuất kháng thể đơn dòng đặc hiệu progesterone để chế tạo que thử nhanh chuẩn đoán có thai sớm ở bò | TG | NN.2017.02 - **Chương trình KHCN trọng điểm cấp quốc gia** |  | Chưa nghiệm thu |  |
| 12 | **Dự án SXTN** “Hoàn thiện quy trình sản xuất thức ăn từ nguyên liệu thô xanh, phụ phẩm công - nông nghiệp bằng công nghệ vi sinh phục vụ chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ ở Hà Nội” | TG | Mã số 01C-05 (QĐ5672/QĐ-UBND TP Hà Nội ngày 9/10/2019)  **Cấp tỉnh** | 2019-2021 | Chưa nghiệm thu |  |
| 13 | **Dự án** Hỗ trợ thương mại hóa công nghệ chọn tạo giống lợn có năng suất sinh sản cao bằng chỉ thị phân tử | TG | TTKHCN.DA.03-2017  **Cấp Quốc gia** | 2017-2021 | Chưa nghiệm thu |  |
| 14 | **Dự án SXTN** “Ứng dụng công nghệ chăn nuôi bò H’mông và con lai nuôi tập trung ở miến núi phí Bắc | TG | QĐ 3539/QĐ-BKHCN ngày 13/12/2017  **Cấp Quốc gia** | 2018-2022 | Chưa nghiệm thu |  |

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)**

***7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố***

| **TT** | **Tên bài báo** | **Số tác giả** | **Là tác giả chính** | **Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN** | **Tạp chí quốc tế uy tín:** ISI, Scopus (IF, Qi) | **Số lần trích dẫn** (không tính tự trích dẫn) | **Tập, số, trang** | **Năm công bố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **TRƯỚC KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SỸ** | | | | | | | |
|  | Influence de l'avoine fourragère sur la production laitière du troupeau de vaches laitières à Moc Chau, Son La | **04** (Vu Quyet Thang, Tran Van Thu, **Tran Hiep**, Nguyen Xuan Trach) |  | Proceeding of the Steering Scientific Meeting 2006 of the National Institute of Animal Husbandry, Hanoï, Viet Nam, 1 Août 2007 |  |  | (120)  http://agritrop.cirad.fr/549729/ | 2007 |
|  | Application of Near Infrared Reflectance Spectroscopy (NIRS) to develop prediction models for feed intake of dairy cows based on animal factors and faecal spectra | **06** (**Tran Hiep,** Paulo Salgado, Nguyen Xuan Trach, Nguyen Thi Luong Hong, Vu Chi Cuong, Philippe Lecomte) | x | Proceedings of the International conference "Tthe 13th AAAP Animal Sciece Congress, held in Hanoi, Vietnam, 26-28 Sept 2008. NXB Nông nghiệp |  |  | 128-133 | *2008* |
|  | Composition des régimes et efficiences zootechnique et environnementale dans des exploitations laitières tropicales (Vietnam et île de La Réunion) | **05** (**Hiep T.,** Salgado P., Bony J., Tillard E., Lecomte P) | x | Congrès international francophone de "Rencontres autour des Recherches sur les Ruminants - 2008". ISBN:. 978-2-84148-580-2; ISSN: 1279-6530. |  |  | (15):183 http://www.journees3r.fr/IMG/pdf/2008\_05\_systemes\_19\_Hiep.pdf | 2008 |
|  | Species, climate and fertilizer effects on grass fibre and protein in tropical environments | **03** (**Tran H.,** Salgado P., and Lecomte P) | x | The Journal of Agricultura Science (ISSN: 0021-8596 (Print), 1469-5146 (Online)) | ISI (IF: 1,717); Q2 (H-index 64). | 14 | 147(5):  555-568 | 2009 |
| **B** | **SAU KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SỸ** | | | | | | | |
|  | Prédiction de la production de méthane sur les spectres proche infrarouge fécaux de vaches laitières en milieux tropicaux | **03** (Lecomte P, **Tran-Hiep,** Salgado P) |  | Congrès international francophone de "Rencontres autour des Recherches sur les Ruminants - 2009". ISBN:. 978-2-84148-812-4; ISSN: 1279-6530. |  |  | (15):244 <http://www.journees3r.fr/IMG/pdf/2009_06_08_Lecomte.pdf> | 2009 |
|  | Prediction of methane production in dairy cows in tropical countries based on fecal near infrared reflectance spectroscopy | **04** (Lecomte Philippe, **Hiep Tran**, Salgado Paulo and Trach Nguyen Xuan) | x | Proceedings MEKARN Workshop on Livestock, Climate Change and the Environment, An Giang University, Vietnam, 16-18 November 2009. |  |  | http://www.mekarn.org/workshops/environ/Abstracts/tran.htm | 2009 |
|  | “Global” and “Local” Predictions of Dairy Diet Nutritional Quality using Near Infrared Reflectance Spectroscopy | **06** (**Hiep Tran,** P. Salgado, E. Tillard , P. Dardenne , Trach Nguyen Xuan, P. Lecomte) | x | Journal of Dairy Science (ISSN: 15253198, 00220302) | ISI (IF: 2,681). Q1 (H-index 166). | 27 | 93(10):  4966-4975 | 2010 |
|  | Prediction and evaluation of methane emission of growing cattle diets in Vietnam based on fecal near infrared reflectance spectroscopy | **03** (**Tran Hiep,** Nguyen ngoc Bang, Pham Kim Dang, Dang Vu Hoa, Nguyen Xuan Trach) | *x* | *Proceedings of MEKARN Conference on Livestock production, climate change and resource depletion, held on 9 - 11 November 2010 in Pakse, Laos.* |  |  | online | 2010 |
|  | Mitigation of methane emission by means of oil and nitrate supplement in diets of growing cattle | **03** (**Tran Hiep,** Dang Vu Hoa, Nguyen Xuan Trach) | x | Proceedings of the International Conference "Livestock-Based Farming Systems, Renewable Resources and the Environment", 6-9 June 2012, Dalat, Vietnam |  |  | http:/www.mekarn.org/workshops/dalat2012/html/hiep.hua.htm | 2012 |
|  | Banana digestibility in growing pig measured *in-vitro* and *in-vivo* | **06** (Nguyen Cong Oanh, **Tran Hiep,** Le Huu Hieu, L.Bindele, A.Thewis, Vu Dinh Ton) |  | Proceeding of Scientificic Research Results Institutional University Cooperation Program 2008-2012.  ISBN:978-604-924-033-1 |  |  | 355-363 | 2013 |
|  | Tiêu hóa In vitro các chất dinh dưỡng trong chuối tiêu và tiêu hóa In vivo, hiệu quả sử dụng nitơ của khẩu phần ăn có quả chuối xanh và chín ở lợn | **06** (Nguyễn Công Oánh, **Trần Hiệp**, Lê Hữu Hiếu, J. Bindelle, A. Thewis và Vũ Đình Tôn) |  | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 8(173):  9-18 | 2013 |
|  | Hiện trạng sử dụng và giá trị dinh dưỡng một số loại thức ăn xanh dùng trong chăn nuôi lợn nông hộ ở miền Bắc Việt Nam | **09** (**Trần Hiệp,** Đỗ Thị Huế, Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Công Oanh, Lê Hữu Hiếu, Hà Xuân Bộ, J. Bindelle, A. Thewis và Vũ Đình Tôn) | x | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 8(173):  19-28 | 2013 |
|  | Ảnh hưởng của mật độ năng lượng, preotein và xơ trong khẩu phần đến sinh trưởng và hiệu quả chuyển hóa thức ăn của thỏ New Zealand | **03** (Nguyễn Văn Đạt, **Trần Hiệp,** Nguyễn Xuân Trạch) | x | Tạp chí Khoa học và Phát triển - Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội. ISSN: 1859-0004 |  |  | 12(4):  558-566 | 2014 |
|  | Lượng thu nhận, tỷ lệ tiêu hóa và hiệu quả sử dụng một số loại thức ăn xanh giàu xơ của thỏ Newzealand sinh trưởng | 03 (Nguyễn Văn Đạt, **Trần Hiệp** và Nguyễn Xuân Trạch) | x | Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi - Viện Chăn nuôi - ISSN: 1859-0802 |  |  | 51(12): 10-21 | 2014 |
|  | Ảnh hưởng của khẩu phần chứa thân cây ngô ủ đến năng suất và sự phát thải khí metan của bò đang tiết sữa | **03** (**Trần Hiệp,** Nguyễn Ngọc Bằng và Chu Mạnh Thắng) | x | Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi - Viện Chăn nuôi - ISSN: 1859-0802 |  |  | 51(12):  30-38 | 2014 |
|  | Ảnh hưởng của mức ăn khác nhau đến thay đổi khối lượng và mức độ phát thải khí Mêtan dạ cỏ ở bò cạn sữa | **03** (**Trần Hiệp**, Vũ Chí Cương và Chu Mạnh Thắng) | x | Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi - Viện Chăn nuôi - ISSN: 1859-0802 |  |  | 52(2):  58-69 | 2015 |
|  | Mức năng lượng, protein và xơ thích hợp trong khẩu phần của thỏ New Zealand sinh trưởng khi sử dụng thức ăn địa phương | **03** (Nguyễn Văn Đạt, **Trần Hiệp** và Nguyễn Xuân Trạch) |  | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 10(3):  41-48 | 2015 |
|  | Lượng thu nhận, tỷ lệ tiêu hóa và hiệu quả sử dụng một số loại thức ăn xanh giàu protein của thỏ New Zealand sinh trưởng | **03** (Nguyễn Văn Đạt, **Trần Hiệp** và Nguyễn Xuân Trạch) |  | Tạp chí Khoa học và Phát triển - Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội. ISSN: 1859-0004 |  |  | 13(3):  381-387 | 2015 |
|  | Using feed additives to reduce methane emission from ruminants | **03** (Nguyen Ngoc Bang, Chu Tuan Thinh, & **Tran Hiep**) |  | Kỷ yếu Hội nghị khoa học Chăn nuôi - thú y toàn quốc 2015. ISBN: 978-604-60-2019-6 |  |  | 361-369 | 2015 |
|  | Effects of Leucaena leucocephala supplemental levels in the diet for dairy cattle on animal productivity and enteric methane production | **03** (Suphawadee Y., **Hiep T.** and Thang C.M) |  | Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics - Animal Husbandry Association of Vietnam. ISSN: 1859-476X |  |  | 8(197): 50-59 | 2015 |
|  | Effect of tea tanin on performance and methane emission of lactating dairy cows | **04** (**Tran Hiep**, Pham Kim Dang, Nguyen Ngoc Bang, Chu Manh Thang) | x | Proceedings of the International conference "The 7th International Science, Social Sciences, Engineering and Energy Conference (I-SEEC 2015)". |  |  | 447-456 http://iseec2015.psru.ac.th/file/Proceedings-ISEEC2015.pdf | 2015 |
|  | Ảnh hưởng của cây ngô ủ chua đến khả năng thu nhận, tỷ lệ tiêu hóa và mức độ phát thải khí mêtan từ dạ cỏ ở bò cạn sữa. Viện Chăn nuôi | **03** (**Trần Hiệp**, Phạm Kim Đăng và Chu Mạnh Thắng) | x | Tạp chí Khoa học Công nghệ chăn nuôi - Viện Chăn nuôi - ISSN: 1859-0802 |  |  | 56(10):  43-53 | 2015 |
|  | Dietary supplementation of oil and non-protein nitrogen to mitigate methane emissions from growing cattle | **05** (**Tran Hiep,** Dang Vu Hoa, Pham Kim Dang, Nguyen Ngọc Bang, Nguyen Xuan Trach) | x | Journal of Science and Development - Hanoi University of Agriculture. ISSN: 1859-0004 |  |  | 14(1):  109-118 | 2016 |
|  | Review: Physiological characteristics, nutrition requirements and some noticeable points when feeding beef cows | **5** (Nguyen Ngoc Bang, **Tran Hiep,** Pham Kim Dang, Nguyen Thi Duong Huyen, Nguyen Xuan Trach) |  | Journal of Science and Development - Hanoi University of Agriculture. ISSN: 1859-0004 |  |  | 14(1):  130-142 | 2016 |
|  | Ảnh hưởng của bổ sung tannin trong chè xanh đến khả năng sản xuất và phát thải khí mêtan từ dạ cỏ của bò sữa | **04** (**Trần Hiệp**, Phạm Kim Đăng, Nguyễn Ngọc Bằng, Chu Mạnh Thắng) | x | Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam - Học viện Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-0004 |  |  | 14(4):  579-597 | 2016 |
|  | Ảnh hưởng của bổ sung dầu bông đến khả năng sản xuất và phát thải khí mêtan từ dạ cỏ của bò sữa | **03** (**Trần Hiệp**, Phạm Kim Đăng, Chu Mạnh Thắng) | x | Tạp chí Khoa học và Phát triển - Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội. ISSN: 1859-0004 |  |  | 14(1):  28-35 | 2016 |
|  | Ảnh hưởng của mức ăn khác nhau trong khẩu phần ăn của bò đang tiết sữa đến lượng thức ăn ăn vào, tỷ lệ tiêu hóa, khả năng sản xuất và phát thải khí mêtan | **04** (**Trần Hiệp**, Nguyễn Ngọc Bằng, Vũ Chí Cương, Chu Mạnh Thắng) | x | Tạp chí Khoa học Công nghệ chăn nuôi - Viện Chăn nuôi - ISSN: 1859-0802 |  |  | 59:  71-82 | 2016 |
|  | Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm Bacillus pro đến một số chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của lợn sinh trưởng | **02** (Phạm Kim Đăng, **Trần Hiệp**) |  | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 205:  37-42 | 2016 |
|  | Prediction and evaluation of methane emissions of growing cattle diets in vietnam based on fecal near infrared reflectance spectroscopy | **5 (Tran Hiep,** Nguyen Ngoc Bang, Pham Kim Dang, Dang Vu Hoa, Nguyen Xuan Trach) | x | Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics - Animal Husbandry Association of Vietnam. ISSN: 1859-476X |  |  | 209:  65-72 | 2016 |
|  | Prediction of methane emissions from dairy cows in tropical countries based on fecal near infrared reflectance spectroscopy | **05** (**Tran Hiep**, Nguyen Ngoc Bang, Salgado Paulo, Trach Nguyen Xuan, Philippe Lecomte) | x | Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics - Animal Husbandry Association of Vietnam. ISSN: 1859-476X |  |  | 210:  62-69 | 2016 |
|  | Ảnh hưởng của việc bổ sung tanin từ bột chè xanh (Camellia sinensis) đến sinh trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn và mức độ phát thải khí mêtan từ dạ cỏ của bò thịt | **03** (Chu Mạnh Thắng, Nguyễn Đình Tường, **Trần Hiệp**) |  | Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi - Viện Chăn nuôi - ISSN: 1859-0802 |  |  | 63(5):  56-67 | 2016 |
|  | Status methane emissions from beef cattle at some farms in nothern Vietnam | **05** (**Tran Hiep**, Nguyen Ngoc Bang, Duong Nguyen Khang, Nguyen Huu Cuong, Chu Manh Thang) | x | Journal of Agricultural Science and Technology. Nong Lam University - Ho Chi Minh City - ISSN: 1859-1523 |  |  | 6:  1-11 | 2016 |
|  | Effect of cassava distillers dried grains from ethanol production on performance of growing pigs | **05** (Pham Kim Dang, **Tran Hiep**, Nguyen Thi Vinh, Nguyen Tien Thanh, Chu Ky Son) |  | Proceeding of the International conference: Agriculture Development in the Context of International Integration: Opportunities and Challenges. Agricultural university press (873/GP-BTTTT) |  |  | 71-79 | 2016 |
|  | Ảnh hưởng của lớp độn lót nền chuồng lên men đến sinh trưởng của lợn thịt trong mùa hè | **02** (Nguyễn Thị Tuyết Lê và **Trần Hiệp**) |  | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 224(9): 79-84 | 2017 |
|  | Chất lượng và sự biến đổi của hệ vi sinh vật trong cây ngô ủ chua | 3 (Nguyễn Thị Tuyết Lê, Lê Việt Phương và **Trần Hiệp**) |  | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 222(8): 45-51 | 2017 |
|  | Application of Near Infrared Reflectance Spectroscopy (NIRS) to develop prediction models for feed intake of dairy cows based on animal factors and faecal spectra | **03** (**Tran Hiep**, Paulo Salgado and Philippe Lecomte) | x | Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics - Animal Husbandry Association of Vietnam. ISSN: 1859-476X |  |  | 223(8): 24-28 | 2017 |
|  | Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm Probiotics và axits hữu cơ đến sinh trưởng, chuyển hóa thức ăn và khả năng cho thịt ở lợn lai thương phẩm | **02** (**Trần Hiệp** và Nguyễn Thị Tuyết Lê) | x | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 222(8): 40-45 | 2017 |
|  | Ảnh hưởng của khẩu phần ăn đến năng suất và phát thải mêtan trên bò tiết sữa | **02** (**Trần Hiệp** và Nguyễn Thị Tuyết Lê) | x | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 224(9): 84-90 | 2017 |
|  | Development of Dry Matter Intake and Milk Yield prediction models for dairy cows based on animal factors and fecal Near Infrared Reflectance spectra | **03** (**Tran Hiep**, Paulo Salgado and Philippe Lecomte) | x | Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics - Animal Husbandry Association of Vietnam. ISSN: 1859-476X |  |  | 223(8): 47-53 | 2017 |
|  | Hiệu quả của việc bổ sung chế phẩm vi sinh tổng hợp trong chăn nuôi gà thịt | **02** (Nguyễn Thị Tuyết Lê và **Trần Hiệp**) |  | Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi - Viện Chăn nuôi - ISSN: 1859-0802 |  |  | 78(8):  78-85 | 2017 |
|  | Thách thức và định hướng đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp 4.0 | **04** (Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Việt Long, Hoàng Hiệp, **Trần Hiệp**) |  | Kỷ yếu Diễn đàn nông dân quốc gia II - 2017 |  |  | 48-57 | 2017 |
|  | Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm Green Cattle đến năng suất chăn nuôi bò tiết sữa | **02** (**Trần Hiệp**, Nguyễn Thị Tuyết Lê) | x | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 225(10):67-71 | 2017 |
|  | Sử dụng thức ăn xanh lên men lỏng trong chăn nuôi lợn thịt | **02** (**Trần Hiệp**, Nguyễn Thị Tuyết Lê) | x | Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam - Học viện Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-0004 |  |  | 16(5):  439-447 | 2018 |
|  | Làm giàu protein của bã sắn bằng đường hóa và lên men đồng thời | **06** (Dương Thu Hương, Phạm Kim Đăng, **Trần Hiệp** , Ngô Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Nguyệt, Vũ Văn Hạnh) |  | Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam - Học viện Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-0004 |  |  | 16(3):  207-214 | 2018 |
|  | Determination of Optimal Levels of Energy, Protein, and Fiber in the Diets of New Zealand White Growing Rabbits Based on Nutrient-Response Models | **04** (Nguyen Xuan Trach, **Tran Hiep**, Nguyen Thi Duong Huyen & Nguyen Van Dat) |  | Journal of Science and Development - Hanoi University of Agriculture. ISSN: 2588-1299 |  |  | 2(1):  305-313 | 2019 |
|  | Nghiên cứu tạo dòng tế bào lai sinh kháng thể đơn dòng kháng progesterone | **06** (Nguyễn Thị Hải, Lê Văn Phan, Nguyễn Hoàng Thịnh, Nguyễn Thị Phương Giang, **Trần Hiệp**, Phạm Kim Đăng) |  | Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam - Học viện Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-0004 |  |  | 17(8):  605-613 | 2019 |
|  | . Sản xuất kháng thể đơn dòng trong xoang phúc mạc của chuột BALB/c đặc hiệu cho Progesterone | **06** (Nguyễn Thị Hải, Lê Văn Phan, Nguyễn Hoàng Thịnh, Nguyễn Thị Phương Giang, **Trần Hiệp**, Phạm Kim Đăng) |  | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt . ISSN: 1859-476X |  |  | 250(10):50-55 | 2019 |
|  | Ảnh hưởng của các mức bổ sung dầu bông và tanin từ bột chè xanh đến lượng thu nhận, tỷ lệ tiêu hóa và phát thải khí mêtan của bò giai đoạn nuôi cạn sữa | **02** (**Trần Hiệp**, Chu Mạnh Thắng) | x | Tạp chí Khoa học Công nghệ chăn nuôi - Viện Chăn nuôi - ISSN: 1859-0802 |  |  | 105(11):50-60 | 2019 |
|  | Ảnh hưởng của việc bổ sung dầu hạt bông và bột chè xanh đến lượng thu nhận, năng suất sữa và phát thải khí mêtan của bò trong giai đoạn tiết sữa | **02** (**Trần Hiệp**, Chu Mạnh Thắng) | x | Tạp chí Khoa học Công nghệ chăn nuôi - Viện Chăn nuôi - ISSN: 1859-0802 |  |  | 104(10):67-77 | 2019 |
|  | Nghiên cứu ủ chua vỏ chanh leo làm thức ăn cho gia súc nhai lại tại tỉnh Sơn La | **05** (Lê Văn Hà, **Trần Hiệp**, Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Xuân Trạch, Bùi Quang Tuấn) |  | Kỷ yếu Hội nghị khoa học Chăn nuôi – Thú y toàn quốc. Nhà xuất bản nông nghiệp (63-630/NN-2029 - 2/266-2019) |  |  | 479-483 | 2019 |
|  | Passion fruit (Passiflora edulis) peel as feed for ruminants in Vietnam: Quantification, chemical composition and posibility to make silage | **06** (**Tran Hiep**, Bui Quang Tuan, Le Viet Phuong, Nguyen Hung Sơn, Le Van Ha and Nguyen Xuan Trach) | x | Livestock Research for Rural Development. ISSN:01213784. | **Scopus (Q4: H-index 24)** |  | 32(2): online | 2020 |
|  | Tiềm năng sử dụng vỏ chanh leo làm thức ăn cho gia súc nhai lại | 05 (Lê Văn Hà, Nguyễn Hùng Sơn, Nguyễn Xuân Trạch và Bùi Quang Tuấn và **Trần Hiệp**) | x (tác giả liên hệ) | Tạp chí Khoa học Công nghệ chăn nuôi - Viện Chăn nuôi - ISSN: 1859-0802 |  |  | 107(1): 49-58 | 2020 |
|  | Passion fruit (Passiflora edulis) peel as feed for ruminants in Vietnam: use of passion fruit peel silage in the diet of dairy cattle. Livestock Research for Rural Development | **05** (**Hiep T**, Tuan B Q, Son N H, Ha L V and Trach N X) | x | Livestock Research for Rural Development. ISSN:01213784. | **Scopus (Q4: H-index 24)** |  | 32(4) online | 2020 |
|  | Effect of cottonseed oil and tea by-products (Camellia sinensis) containing tannin on feed intake, digestibility, methane production and performance of growing cattle | **03** (Chu Manh Thang, **Tran Hiep** and Le Dinh Phung) |  | Livestock Research for Rural Development. ISSN:01213784. | **Scopus (Q4: H-index 24)** |  | 32(5) online | 2020 |
|  | Chế biến bã mía, lõi ngô làm thức ăn cho gia súc nhai lại | **02** (**Trần Hiệp**, Bùi Quang Tuấn) | x | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 256(4): 35-40 | 2020 |
|  | Ảnh hưởng của bổ sung phụ phẩm chè xanh đến tỷ lệ tiêu hóa các chất dinh dưỡng của khẩu phần trong môi trường dạ cỏ | **04** (Lê Tuấn An, Chu Mạnh Thắng, Lê Đình Phùng, **Trần Hiệp**) | x  *(GVHD của NCS)* | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 256(4): 26-34 | 2020 |
|  | Lê Tuấn An, Chu Mạnh Thắng, Phạm Kim Cương và Trần Hiệp (2020). Đánh giá nguồn phụ phẩm chè làm thức ăn bổ sung trong chăn nuôi bò | **04** (Lê Tuấn An, Chu Mạnh Thắng, Phạm Kim Cương và **Trần Hiệp**) | x  *(GVHD của NCS)* | Tạp chí Khoa học Công nghệ chăn nuôi - Viện Chăn nuôi - ISSN: 1859-0802 |  |  | 109(3): 60-72 | 2020 |
|  | Sử dụng vỏ chanh leo, lõi ngô, bã mía trong hỗn hợp thức ăn lên men cho bò cái tơ sinh trưởng tại Mộc Châu - Sơn La | **03** (**Trần Hiệp**, Bùi Quang Tuấn, Nguyễn Hùng Sơn) | x | Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam - Học viện Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-0004 |  |  | 18(5): 332-338 | 2020 |
|  | Lượng thu nhận, tăng khối lượng và mức độ phát thải khí mêtan từ dạ cỏ của bò thịt khi sử dụng khẩu phần được bổ sung chế phẩm Green Cattle | **02** (**Trần Hiệp**, Chu Mạnh Thắng) | x | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 257(6): 58-63 | 2020 |
|  | Lượng thu nhận, tỷ lệ tiêu hóa và phát thải khí mêtan của bò giai đoạn cạn sữa khi ăn khẩu phần bổ sung dầu bông | **02** (Chu Mạnh Thắng và **Trần Hiệp**) | x  (tác giả liên hệ) | Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam - Học viện Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-0004 |  |  | 18(4): 271-278 | 2020 |
|  | Sử dụng vỏ chanh leo, lõi ngô trong hỗn hợp thức ăn lên men cho bò tiết sữa tại Sơn La | **03** (**Trần Hiệp**, Bùi Quang Tuấn, Nguyễn Hùng Sơn) | x | Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X |  |  | 257(6): 63-69 | 2020 |
|  | Combined effects of cottonseed oil and tannin from tea by products (camellia sinensis) supplementation on nutrient digestibility, performance and enteric methane production of fatting cattle | **02** (Chu Manh Thang and **Tran Hiep**) | x  (co - author) | Advances in Animal and Veterinary Sciences. ISSN (Online) | 2307-8316; ISSN (Print) | 2309-3331 | **Scopus (Q3: H-index 3, SJR2018: 0,15)** |  | 8(2):  1-6 | 2020 |

**7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|  | **SAU KHI CẤP BẮNG TIẾN SỸ** |  |  |  |  |
| 1 | Tiến bộ kỹ thuật: “Chế phẩm vi sinh vật VNUA – BIOMIX và quy trình kỹ thuật sử dụng chế phẩm VNUA-BIOMIX làm đệm lót chăn nuôi lợn” | Cục Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp & PTNT | 04/05/2019 | Đồng tác giả | 9 |

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: ……………………………………………

**7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giải thưởng** | **Cơ quan/tổ chức ra quyết định** | **Số quyết định và ngày, tháng, năm** | **Số tác giả** |
| 1 |  |  |  |  |

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: ..………………………………………………………………………

**7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích** | **Cơ quan/tổ chức công nhận** | **Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)** | **Cấp Quốc gia/Quốc tế** | **Số tác giả** |
| 1 |  |  |  |  |  |

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: ..…………………

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

Hiện, tôi là thành viên Hội đồng khoa học khoa Chăn nuôi và có nhiều đóng góp trong công tác phát triển chương trình đào tạo các ngành học của Khoa Chăn nuôi. Tôi tham gia việc xây dựng chương trình đào tạo đại học, cao học và viết đề cương môn học phục vụ cho kiểm định chương trình đào tạo đại học Chăn nuôi theo chuẩn AUN.

Trong quá trình công tác với các nhiệm vụ được giao khác nhau (trợ lý đào tạo, Phó trưởng Bộ môn và Trưởng Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa), ứng viên đã cùng với Hội đồng Khoa và các giảng viên trong Khoa xây dựng thành công các chương trình đào tạo khác nhau:

*Tham gia xây dựng các chương trình đào tạo Đại học:*

* Ngành Chăn nuôi (Mã ngành: 7620105) (các chuyên ngành: Khoa học vật nuôi, Dinh dưỡng và công nghệ thức ăn, Chăn nuôi - Thú y) *(năm 2009 – 2010, 2011 – 2012)*
* Ngành Chăn nuôi – Thú y (Mã ngành: 7620106) (năm 2018 - 2019).

*Tham gia xây dựng các chương trình đào tạo Thạc sỹ:*

* Ngành Chăn nuôi (Mã ngành: 8620105) (các chuyên ngành: Giống và nhân giống vật nuôi, Dinh dưỡng và công nghệ thức ăn, Chăn nuôi) (năm 2011 – 2012)
* Ngành Chăn nuôi – Thú y ứng dụng (8.62.01.06) (năm 2018-2019)

*Tham gia xây dựng các chương trình đào tạo Tiến sỹ:*

* Ngành Chăn nuôi (Mã số: 9620105) (năm 2016 – 2017)
* Ngành Giống và nhân giống vật nuôi (Mã số: 9620108) (năm 2016 – 2017)
* Ngành Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi (Mã số: 9620107) (năm 2016 – 2017).

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, tôi và các đồng nghiệp thảo luận các giải pháp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và khả năng thích ứng của sinh viên khi ra trường: (1) Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp; (2) Tăng cường trao đổi kiến thức, kỹ năng với doanh nghiệp; (3) Xây dựng dựng các mô hình khoa học và công nghệ, các phòng thí nghiệm hiện đại và thúc đẩy hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học.

*Bên cạnh đó, tôi cũng tích cực tham gia xây dựng các chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ đã được áp dụng vào thực tế:* Hiện nay tôi là Phó trưởng Ban Khoa học và Công nghệ của Học viện và phụ trách công tác quản lý và xây dựng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các địa phương và doanh nghiệp. Tôi được giao nhiệm vụ tổ chức xây dựng nhiều đề án phát triển nông nghiệp với các địa phương. Nhiều nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Học viện đã được chuyển giao và ứng dụng trong sản xuất như Sơn La, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Quảng Ninh…

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:** Không

***a) Thời gian được bổ nhiệm PGS***

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): …………

***b) Hoạt động đào tạo***

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): …………

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): …

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): …………

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: …………………………………………………………

***c) Nghiên cứu khoa học***

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS)

Đề xuất CTKH thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS)

Đề xuất CTKK thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp CS bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: ……………………………………………

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: …………………………………………

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* **NGƯỜI ĐĂNG KÝ** (Ký và ghi rõ họ tên)  **TRẦN HIỆP** |